

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2017/ HNGĐ- ST

Ngày: 14.12.2017

*(V/v xin ly hôn và tranh chấp
quyền nuôi con)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dũng và bà Lê Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vương Thanh Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc li hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: anh Nguyễn Hồng Đ - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin li hôn đề ngày 18.10.2017 và các lời khai, biên bản phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hồng Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N tỉnh Nghệ An vào ngày 27/02/2014; Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống khác biệt, không ai chịu thông cảm và hiểu cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Nay tình cảm vợ chồng rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xét thấy không còn tình cảm gì với anh Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Đ.

- Về con chung, chị Hoàng Thị T trình bày: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/11/2015 (giới tính: Nam); Chị Hoàng Thị T khẳng định chị có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu hơn vì hiện tại chị có công ăn việc làm ổn định và giao nộp hợp đồng lao động lập ngày 1.6.2017 ghi rõ mức thu nhập của chị là trên 5.000.000đ/tháng; cháu N mới hơn 02 tuổi và anh Nguyễn Hồng Đ không có công ăn việc làm ổn định. Hiện nay cháu N đang do anh Đ đưa về nuôi dưỡng. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T xin được là người được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, mỗi tháng khoảng 500.000đ; Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 1.2018.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hồng Đ trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian, nơi kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, anh không có ý kiến gì. Anh và chị T lấy nhau vào ngày 27/02/2014, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, cách làm ăn và cách nuôi con; Đến ngày 29/5/2017 thì chị T bỗng con về bên nhà bố đẻ của chị T sống, sau một tháng thì anh đến đưa con về nuôi cho đến nay. Anh và chị T cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có một người con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/11/2015. Hiện cháu N đang do anh nuôi dưỡng. Nguyên vọng sau khi ly hôn anh cho rằng anh cũng có đủ điều kiện nuôi cháu nên cũng muốn là người được trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh. Anh khẳng định bản thân làm nghề thợ xây (thợ hồ), mặc dù đi sớm, về muộn nhưng cháu có ông bà nội có thời gian hỗ trợ chăm nuôi. Nếu Tòa án xử cho chị T được nuôi con thì anh cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ như yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung, vay nợ và cho vay nợ chung, anh cũng nhất trí như chị trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước lúc nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc thụ lý đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình cho chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hồng Đ được thuận tình li hôn; Xem xét các tình tiết về mức thu nhập, tuổi của con chung và hoàn cảnh sống của các bên, đề nghị giao cháu Nguyễn Duy N là con chung của vợ chồng cho mẹ của cháu là Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng

theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức thu nhập của người lao động phổ thông trên địa bàn xã N và điều kiện tối thiểu để nuôi dưỡng cháu N nên cần buộc anh Nguyễn Hồng Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Hoàng Thị T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi kể từ tháng 1.2018. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

(1.) Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai các đương sự, họp phiên công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải hợp lệ; việc các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

(2.) Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét ngày 27/02/2014, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hồng Đ đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp.

(2.1) Về tình cảm: Xét chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hồng Đ lấy nhau vào ngày 27/02/2014; Hôn nhân có đăng ký và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống khác biệt dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là có cơ sở vì vợ chồng li thân đã lâu. Mặc dù Tòa án triệu tập với mong muốn hòa giải, phân tích để vợ chồng quay về chung sống nuôi dạy con nhưng anh chị vẫn không có ý muốn đoàn tụ. Xét nguyện vọng xin được li hôn của chị Hoàng Thị T và nguyện vọng đồng ý li hôn của anh Nguyễn Hồng Đ là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được li hôn với anh Nguyễn Hồng Đ .

(2.2) Về con chung: Xét vợ chồng có một con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/11/2015 (giới tính: Nam); Hiện nay cháu đang do anh Đ nuôi dưỡng. Nguyện vọng sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T xin được là người được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Chị Hoàng Thị T khẳng định chị có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu hơn vì hiện tại chị có công ăn việc làm ổn định và có hợp đồng lao động lập ngày 1.6.2017 ghi rõ mức thu nhập của chị là trên 5.000.000đ/tháng chứng minh điều kiện kinh tế của chị; Ngoài ra, chị cho rằng cháu N mới hơn 02 tuổi nên còn quá nhỏ cần phải được người mẹ trực tiếp chăm sóc; Ngoài ra anh Nguyễn Hồng Đ làm thợ xây, việc làm không ổn định về thu nhập thấp và thời gian chăm sóc con nhỏ. Ngược lại, anh Nguyễn Hồng Đ cũng cho rằng anh cũng có đủ điều kiện nuôi cháu nên cũng muốn là người được trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét các tình tiết về mức thu nhập, tuổi của con chung và hoàn cảnh sống của các bên, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu Nguyễn Duy N là con chung của vợ chồng cho mẹ của cháu là Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng mới đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức thu nhập của hai bên đương sự trình bày và điều kiện tối thiểu để nuôi dưỡng cháu N trong điều kiện xã hội hiện tại cũng như sự thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con của cả hai vợ chồng tại phiên tòa nên cần buộc anh Nguyễn Hồng Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Hoàng Thị T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi như các bên thống nhất tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng tính từ 01.01.2018.

(2.3) Về tài sản chung, nợ và cho vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, cả hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

(2.4) Về án phí: chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí li hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về tình cảm: chị Hoàng Thị T được li hôn với anh Nguyễn Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Duy N (*giới tính: Nam*)-sinh ngày 06.11.2015 hiện đang do anh Nguyễn Hồng Đ nuôi dưỡng cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi li hôn.

Anh Nguyễn Hồng Đ có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Duy N đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Hồng Đ có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Nguyễn Hồng Đ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đồng án phí li hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Chi cục Thi hành án

Dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai số 0004695 ngày 23.10.2017; chị T đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. N;
- Chi cục THA dân sự N;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Loan Hòa